

CHUYÊN ĐỀ 7: CÂU HỎI ĐUÔI (TAG QUESTIONS)

I. Choose the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 1. No one is better at English than Lan, _____?

A. is she B. isn't she C. are they D. aren't they

Question 2. There are a lot of people attending the wedding party, _____?

A. are they B. are there C. aren't they D. aren't there

Question 3. He seldom goes to the park, _____?

A. doesn't he B. is he C. does he D. isn't he

Question 4. Let's go for walk, _____?

A. will we B. shall we C. don't you D. do you

Question 5. I think he will come here, _____?

A. doesn't he B. won't he C. will he D. don't I

Question 6. The film is boring, _____?

A. is it B. are they C. isn't it D. aren't they

Question 7. You are listening to music, _____?

A. is you B. are you C. aren't you D. were you

Question 8. He can speak English, _____?

A. can he B. can't he C. can't him D. could he

Question 9. You don't know her, _____?

A. do you B. don't you C. are you D. aren't you

Question 10. Nga speaks English very well, _____?

A. does she B. doesn't she C. is she D. was she

Question 11. John has bought a dictionary, _____?

A. does he B. did he C. has he D. hasn't he

Question 12. They met him at the party last night, _____?

A. do they B. don't they C. did they D. didn't they

Question 13. They are going to do the test tomorrow, _____?

A. do they B. are they C. aren't they D. did they

Question 14. I'm short, _____?

A. am not I B. aren't you C. are you D. aren't I

Question 15. No one is in this room now, _____?

A. is one B. isn't one C. is he D. are they

II. Complete the following sentences with tag questions.

Question 16. I am a teacher, _____?

Question 17. Nothing can make you change your love, _____?

Question 18. There were many people in the hall, _____?

Question 19. Nobody asked him to answer questions, _____?

Question 20. John should pass the exam, _____?

Question 21. Let's go jogging now, _____?

Question 22. These students seldom do their exercises, _____?

Question 23. You had a wonderful day, _____?

Question 24. People speak English in the world, _____?

Question 25. She hasn't seen him for ages, _____?

C.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM CẦN GHI NHỚ

* Tag questions (Câu hỏi đuôi)

1. Định nghĩa:

Câu hỏi đuôi là một câu hỏi ngắn được thêm vào cuối câu trắc nghiệm và được ngăn cách bằng dấu phẩy theo công thức: câu trắc nghiệm, phần đuôi?

E.g: It's a table, isn't it?

2. Cách thành lập

Câu hỏi đuôi được thành lập bằng một trợ động từ (hoặc động từ *to be*) và một đại từ nhân xưng (chỉ chủ ngữ của câu): auxiliary verb (+ not) + pronoun.

a. Câu hỏi đuôi phủ định

Câu hỏi đuôi phủ định (auxiliary verb + not + pronoun) được dùng sau câu trắc nghiệm khẳng định. Hình thức phủ định thường được rút gọn (not = n't)

Câu hỏi đuôi phủ định bao gồm: "câu khẳng định và phần đuôi phủ định"

E.g:

- She is reading books, isn't she? (Cô ấy đang đọc sách, phải không?)
- Mr Nam can speak English well, can't he? (Ông Nam có thể nói tiếng anh tốt, phải không?)
- They did the test yesterday, didn't they? (Họ đã làm bài kiểm tra vào hôm qua, phải không?)

b. Câu hỏi đuôi khẳng định

Câu hỏi đuôi khẳng định (auxiliary verb + pronoun) được dùng sau câu trắc nghiệm phủ định.

Câu hỏi đuôi khẳng định bao gồm "câu phủ định và phần đuôi khẳng định"

E.g:

- Nga isn't a student, is she? (Nga không phải là học sinh, phải không?)
- I shouldn't smoke here, should I? (Tôi không nên hút thuốc ở đây, phải không?)
- Her parents don't work in this company, do they? (Bố mẹ cô ấy không làm việc ở công ty này, phải không?)

3. Các trường hợp đặc biệt:

a. I am..., aren't I?

b. Let's V..., shall we?

c. Don't V, will you?

d. Khi chủ ngữ là *this/that*, thì phần hỏi đuôi ta dùng chủ ngữ *it*

This is a book, isn't it?

e. Khi chủ ngữ là *these, those* thì phần hỏi đuôi ta dùng chủ ngữ *they*

f. Khi chủ ngữ là *there*, phần hỏi đuôi ta vẫn dùng *there*

g. Đối với câu mệnh lệnh mang ý nghĩa mời, đề nghị thì phần hỏi đuôi ta dùng *will you*

h. Khi chủ ngữ là những đại từ bất định như: *anyone, anybody, no one, nobody, everybody, everyone, somebody, someone* thì chúng ta dùng đại từ "they" làm chủ từ trong câu hỏi đuôi

Ví dụ: Everyone is going to the museum, aren't they?

There is no one in the class, are there? (vì trước là no one nên dùng khẳng định ở phía sau)

- i. Khi chủ ngữ là những đại từ bất định như *everything, something, anything, nothing* thì chúng ta dùng đại từ "it" làm chủ từ trong câu hỏi đuôi.
- j. Khi mệnh đề chính có cấu trúc: "I + think/believe/suppose/...." + mệnh đề phụ thì ta dùng động từ trong mệnh đề phụ để xác định động từ cho câu hỏi đuôi.

Ví dụ: I think she will meet him, won't she?

- k. Cũng mẫu cấu trúc này nhưng nếu chủ từ không phải là I thì dùng động từ chính trong câu (think/believe/suppose/...) để xác định động từ cho câu hỏi đuôi.

Ví dụ: She thinks he will come, doesn't she?

- l. Khi vế đầu sử dụng động từ *had better*, ta mượn trợ động từ *had* để lập câu hỏi đuôi; Khi vế đầu sử dụng động từ *would rather*, ta mượn trợ động từ *would* để lập câu hỏi đuôi.

4. Cách dùng

Trong văn nói, ý nghĩa của câu hỏi đuôi tùy thuộc vào cách diễn đạt.

- Nếu xuống giọng ở câu hỏi đuôi có nghĩa là không thật sự đặt câu hỏi, chỉ muốn người nghe đồng ý với mình.
- Nếu lên giọng ở câu hỏi đuôi, thì đó là câu hỏi thực sự.